

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2022

Tháng 07 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5 – 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 49

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		986.006.464.631	795.969.711.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	204.283.216.973	182.456.553.643
1. Tiền	111		53.177.424.434	32.056.553.643
2. Các khoản tương đương tiền	112		151.105.792.539	150.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		28.120.875.021	28.231.557.604
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12.a	28.120.875.021	28.231.557.604
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		709.096.735.660	532.526.962.764
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	27.905.872.657	28.209.522.377
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	97.858.821.186	85.792.468.507
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	337.701.528.943	105.544.528.943
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	273.388.508.288	341.201.459.884
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(27.757.995.414)	(28.221.016.947)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	26.056.975.072	26.034.647.618
1. Hàng tồn kho	141		26.056.975.072	26.034.647.618
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.448.661.905	26.719.989.906
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	7.536.056.387	8.092.404.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.182.375.565	16.877.837.179
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17.a	1.730.229.953	1.749.748.635
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.804.825.566.608	11.382.196.997.177
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.187.173.846.766	1.796.758.602.375
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	631.425.250.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	1.555.748.596.766	1.565.333.352.375
II. Tài sản cố định	220		7.098.659.057.478	7.280.084.283.087
2. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10.642.511.569	11.604.706.542
1. - Nguyên giá	222		32.111.362.791	32.039.026.391
2. - Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.468.851.222)	(20.434.319.849)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7.088.016.545.909	7.268.479.576.545
4. - Nguyên giá	228		8.878.819.553.603	8.840.544.498.479
5. - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.790.803.007.694)	(1.572.064.921.934)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		50.124.817.736	41.849.505.358
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	50.124.817.736	41.849.505.358
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	831.980.460.387	831.594.007.099
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12.b	831.980.460.387	828.084.007.099
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12.a	-	3.510.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.636.887.384.241	1.431.910.599.258
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	1.316.478.945.921	1.097.437.248.161
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13.a	273.130.334.884	280.742.346.734
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	47.278.103.436	53.731.004.363
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.790.832.031.239	12.178.166.708.712

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.024.274.667.508	7.489.928.508.899
I. Nợ ngắn hạn	310		2.254.901.727.260	1.396.774.183.163
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	221.606.145.243	249.251.133.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	464.000.448.374	464.000.448.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17.b	10.244.379.980	9.326.263.921
4. Phải trả người lao động	314		16.132.606.638	17.112.229.927
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	64.648.731.366	82.116.334.116
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		136.363.635	31.805.557
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.a	413.257.125.962	191.901.167.813
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.a	1.060.456.015.423	379.054.489.763
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.419.910.639	3.980.310.618
II. Nợ dài hạn	330		5.769.372.940.248	6.093.154.325.736
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19.b	103.238.578.528	358.786.273.288
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.b	5.630.642.018.125	5.682.894.739.824
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13.b	35.492.343.595	51.473.312.624
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.766.557.363.731	4.688.238.199.813
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	4.766.557.363.731	4.688.238.199.813
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	96.125.354.490
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.389.331.245.070	1.272.973.201.023
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.257.533.913.973	1.064.513.237.178
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		131.797.331.097	208.459.963.845
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.338.992.545.968	1.386.934.246.204
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12.790.832.031.239	12.178.166.708.712

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28. tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý 2 và Lũy kế năm 2022

Mẫu số B 02 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ 01/01 đến 30/06	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	369.410.323.963	360.382.376.010	707.882.440.786	557.274.491.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	24.728.436.211	25.176.154.683	46.051.124.424	30.419.086.472
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	344.681.887.752	335.206.221.327	661.831.316.362	526.855.405.016
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	136.659.226.376	125.717.229.050	259.844.923.815	198.478.367.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		208.022.661.376	209.488.992.277	401.986.392.547	328.377.037.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22.766.612.912	9.387.514.747	40.059.156.429	111.131.386.768
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.642.372.670	64.502.819.332	167.245.422.349	117.006.027.539
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		81.642.372.670	64.502.819.332	167.245.422.349	112.571.578.450
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	24	VI.12.b	-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	27.113.856.051	27.564.093.122	51.575.348.145	36.889.720.269
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.195.389.296	30.971.759.050	24.944.565.095	60.601.835.215
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		109.837.656.271	95.837.835.520	198.280.213.387	225.010.841.241
12. Thu nhập khác	31	VI.7	27.272.727	27.272.727	61.489.899	54.545.454
13. Chi phí khác	32	VI.8	621.178.933	747.368.850	621.684.371	931.973.340
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(593.906.206)	(720.096.123)	(560.194.472)	(877.427.886)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		109.243.750.065	95.117.739.397	197.720.018.915	224.133.413.355
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	6.689.580.467	4.590.359.353	12.342.572.007	26.964.214.663
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.13	(10.881.178.811)	4.248.791.169	(8.368.957.179)	(13.633.994.043)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		113.435.348.409	86.278.588.875	193.746.404.087	210.803.192.735
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		77.035.757.205	53.114.144.553	131.797.331.097	122.998.691.895
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		36.399.591.204	33.164.444.322	61.949.072.990	87.804.500.840
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	399	271	668	631

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 03 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	197.720.018.915	224.133.413.355
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	226.225.518.060	194.831.453.895
Các khoản dự phòng	03	(463.021.533)	(86.795.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(40.059.156.429)	(111.131.386.768)
Chi phí lãi vay	06	167.245.422.349	112.571.578.450
Các khoản điều chỉnh khác	07	46.051.124.424	30.419.086.472
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	596.719.905.786	450.737.350.404
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	78.583.018.645	19.292.107.841
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(22.327.454)	1.289.891.657
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(75.030.992.822)	9.566.280.748
Tăng chi phí trả trước	12	(33.353.588.603)	(25.976.314.643)
Tiền lãi vay đã trả	14	(393.869.628.923)	(207.222.835.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.603.738.098)	(56.536.288.094)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	162.422.648.531	191.150.192.205
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(146.220.063.886)	(88.810.860.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	13.385.465	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(654.489.782.074)	(50.100.293.946)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.843.000.000	100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.896.453.288)	(15.099.178.082)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	14.110.464.657	900.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.894.659.964	6.330.849.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(769.744.789.162)	(146.679.482.897)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mẫu số B 03 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.649.018.263.792	259.347.146.077
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.019.869.459.831)	(282.821.709.103)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(34.730.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	629.148.803.961	(58.204.563.026)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	21.826.663.330	(13.733.853.718)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	182.456.553.643	170.577.216.218
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	204.283.216.973	156.843.362.500

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28. tháng 07 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty..

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,79%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 99 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 98 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
8. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty liên doanh				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán báo cáo Quý 2/2022 từ ngày 01 tháng 04 năm 2022 đến ngày 30 tháng 06 năm 2022.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán. Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, phí cam kết rút vốn vay và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T mà Công ty đầu tư vốn từ ban đầu là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Phí cam kết rút vốn là chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay vốn của Công ty. Phí cam kết là một số tiền cố định hoặc tỷ lệ phần trăm của số tiền vay. Phí cam kết rút vốn được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết dưới đây*).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

thường, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.T, B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	212.406.590	161.386.963
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.965.017.844	31.895.166.680
Các khoản tương đương tiền	151.105.792.539	150.400.000.000
Cộng	204.283.216.973	182.456.553.643

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm số tiền 1.5 tỷ đồng đang được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 15 tỷ đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.945.801.731
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Phải thu khách hàng khác	14.377.611.718	14.218.239.905
Cộng	27.905.872.657	28.209.522.377
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	59.090.910	-
Công ty CII	379.155.000	379.155.000
Cộng	438.245.910	379.155.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T:	94.745.380.999	78.438.006.548
Công ty CII E&C	69.586.771.934	68.019.865.654
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	10.687.361.717	
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	701.120.488	-
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	4.413.054.850	
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng BMT	1.710.363.237	-
Các nhà thầu khác	7.646.708.773	10.418.140.894
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	3.113.440.187	7.354.461.959
Các nhà cung cấp khác	3.113.440.187	7.354.461.959
Cộng	97.858.821.186	85.792.468.507
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	69.586.771.934	68.019.865.654
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	701.120.488	1.349.554.318
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	10.761.202.218	73.840.501
Cộng	81.049.094.640	69.443.260.473

4. Phải thu về cho vay

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CII (ii)	134.701.528.943	97.701.528.943
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iv)	200.000.000.000	
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C) (v)	3.000.000.000	
Các đối tượng khác	-	7.843.000.000
Cộng	337.701.528.943	105.544.528.943
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	231.425.250.000
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy (iii)	400.000.000.000	-
Cộng	631.425.250.000	231.425.250.000
Cộng các khoản phải thu về cho vay	969.126.778.943	336.969.778.943
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CII (ii)	134.701.528.943	97.701.528.943
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy (iii)	400.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iv)	200.000.000.000	
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C) (v)	3.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	5.943.000.000
Cộng	737.701.528.943	103.644.528.943

(i) Số dư nợ vay 231.425.250.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc tại ngày 01/01/2022 công ty trình bày lại từ ngắn hạn qua dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận (doanh nghiệp án BOT Trung Lương Mỹ Thuận). Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn 31/12/2023.
- (iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 với lãi suất được hưởng trong kỳ là 11%/năm.
- (iv) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Năm Bảy Bảy có thời vay dài hạn đến 20 năm kể từ ngày 18/02/2022 với lãi suất cho vay là 9%/năm.
- (v) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Bắc Thủ Thiêm có thời vay ngắn hạn 12 tháng với lãi suất cho vay là 10,5%/năm.
- (vi) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty E&C có thời vay ngắn hạn 01 tháng với lãi suất cho vay là 10%/năm.

5. Phải thu khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	129.238.644.845	201.468.637.017
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	74.194.397.835	80.509.413.593
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	3.414.768.779	3.877.660.809
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	4.776.336.271	4.091.409.439
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.782.660.000	2.782.660.000
Phải thu người lao động	496.067.825	219.062.410
Các khoản chi hộ, thu hộ	61.786.430	39.704.631
Ký cược, ký quỹ	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải thu khác	47.977.242.793	37.766.308.475
Cộng	273.388.508.288	341.201.459.884
b. Phải thu dài hạn		
Lãi cho vay (i)	184.376.924.519	159.736.714.305
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	1.326.127.992.000	1.365.864.100.666
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.302.187.836.260	1.337.879.764.596
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	23.940.155.740	24.826.828.176
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	-	3.157.507.894
Phải thu khoản lợi ích tài chính theo hợp đồng B.O.T (iii)	45.243.680.247	39.732.537.404
Cộng	1.555.748.596.766	1.565.333.352.375
Cộng các khoản phải thu khác	1.829.137.105.054	1.906.534.812.259

- (i) Số dư Phải thu lãi cho vay 159.736.714.305 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc tại ngày 01/01/2022 công ty trình bày lại từ ngắn hạn qua dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu khác (tiếp theo)

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII	2.951.757.534	2.777.100.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	205.168.500	674.900.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.272.856.500	1.957.017.375
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	12.016.438.356	
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	665.095.890	
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	7.500.000	
Cộng phải thu bên liên quan	17.118.816.780	5.409.017.375
 (ii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau		
	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.360.619.166.535	1.396.311.094.871
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	12.630.031.546	22.102.555.198
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	27.073.191.754	27.959.864.190
	1.400.322.389.835	1.446.373.514.259
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(74.194.397.835)	(80.509.413.593)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.326.127.992.000	1.365.864.100.666

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khi công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(ii) Lợi ích tài chính phát sinh theo hợp đồng B.O.T. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (xem thêm tại Thuyết minh số VI.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a. Ngắn hạn	34.001.330.689	6.243.335.275	34.001.330.689	5.780.313.742
Phải thu khách hàng ngắn hạn	27.338.275.899	2.156.369.535	27.338.275.899	1.693.348.002
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.654.374.749	-	1.654.374.749	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.008.680.041	4.086.965.740	5.008.680.041	4.086.965.740
Cộng	34.001.330.689	6.243.335.275	34.001.330.689	5.780.313.742
				(28.221.016.947)
				(25.644.927.897)
				(1.654.374.749)
				(921.714.301)
				(27.757.995.414)
				(25.181.906.364)
				(27.338.275.899)
				(27.757.995.414)
				(28.221.016.947)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số đầu năm	(28.221.016.947)	(17.031.015.554)
Trích lập dự phòng bổ sung	(11.276.796.393)	(11.276.796.393)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	463.021.533	86.795.000
Số cuối năm	(27.757.995.414)	(28.221.016.947)

7. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.056.975.072	-	25.706.637.982	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	25.563.477.848	-	25.207.545.926	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	493.497.224	-	499.092.056	-
Hàng hóa	-	-	328.009.636	-
Cộng	26.056.975.072	-	26.034.647.618	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa định kỳ cầu đường	6.889.448.208	7.731.609.093
Công cụ, dụng cụ, vật tư xuất dùng	11.179.996	16.769.998
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	635.428.183	344.025.001
	7.536.056.387	8.092.404.092
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)	1.211.157.279.555	1.034.158.250.342
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	86.939.349.506	43.277.099.035
Chi phí đi dời, xây dựng trạm thu phí	13.120.001.698	14.869.335.262
Chi phí khác chờ phân bổ	5.262.315.162	5.132.563.522
	1.316.478.945.921	1.097.437.248.161
Cộng	1.324.015.002.308	1.105.529.652.253
(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:		
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	578.556.935.405	520.081.037.357
Dự án cầu Cổ Chiên	214.736.713.873	198.028.544.380
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	136.298.526.621	129.950.142.415
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	42.497.164.038	57.372.209.852
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	239.067.939.618	128.726.316.338
Cộng	1.211.157.279.555	1.034.158.250.342
Trong đó, chi phí trả trước là bên liên quan		
Công ty CII	54.057.008.897	32.701.206.864
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	6.816.369.837	
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	-	7.269.562.538

(i) Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 12,46%; Dự án cầu Cổ Chiên là 22,74%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu là 22,00%; Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm là 18% và Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 8,66%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	7.842.894.831	15.746.856.648	6.862.001.022	1.587.273.890	32.039.026.391
Mua trong kỳ	-	-	-	72.336.400	72.336.400
Tại ngày 30/06/2022	7.842.894.831	15.746.856.648	6.862.001.022	1.659.610.290	32.111.362.791
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	6.518.429.337	7.264.153.036	5.342.879.051	1.308.858.425	20.434.319.849
Khấu hao trong kỳ	77.634.666	708.469.203	233.082.448	15.345.056	1.034.531.373
Tại ngày 30/06/2022	6.596.064.003	7.972.622.239	5.575.961.499	1.324.203.481	21.468.851.222
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	1.324.465.494	8.482.703.612	1.519.121.971	278.415.465	11.604.706.542
Tại ngày 30/06/2022	1.246.830.828	7.774.234.409	1.286.039.523	335.406.809	10.642.511.569

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 16.692.959.390 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 13.836.520.229 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	8.837.408.847.479	733.149.000	2.402.502.000	8.840.544.498.479
Đầu tư XDCB hoàn thành (i)	38.288.440.589	-	-	38.288.440.589
Giảm khác	(13.385.465)	-	-	(13.385.465)
Tại ngày 30/06/2022	8.875.683.902.603	733.149.000	2.402.502.000	8.878.819.553.603
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	1.571.353.481.954	-	711.439.980	1.572.064.921.934
Khấu hao trong kỳ	218.577.952.306	-	160.133.454	218.738.085.760
Tại ngày 30/06/2022	1.789.931.434.260	-	871.573.434	1.790.803.007.694
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	7.266.055.365.525	733.149.000	1.691.062.020	7.268.479.576.545
Tại ngày 30/06/2022	7.085.752.468.343	733.149.000	1.530.928.566	7.088.016.545.909

- (i) Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận tăng thêm quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội là 38.288.440.589 đồng. Dự án này đã được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 4 năm 2021.

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày báo cáo là 581.138.260.482 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Thời gian thu phí của dự án dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 6 năm 2023. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 50%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

b. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tại ngày báo cáo là 1.644.334.550.401 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 16,02% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

c. Dự án đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 1 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

d. Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu

(i) Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí dự án cầu Rạch Miễu đã khấu hao hết chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

(ii) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2) theo hình thức hợp đồng B.O.T được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá tài sản tăng thêm của dự án (giai đoạn 2) là 1.120.436.031.106 VND. Thời gian thu phí hoàn vốn đầu tư ước tính khoảng 14 năm 8 tháng và Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ 06/07/2021. Trong năm, Công ty thực hiện khấu hao quyền thu phí theo doanh thu là 45%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

e. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày báo cáo là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 28,44% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

f. Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày báo cáo là 3.333.322.983.404 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2021. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 17 năm 9 tháng. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 26,08%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

g. Thuyết minh khác liên quan đến Tài sản cố định vô hình

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các quyền thu phí để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V.20).

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 665.000.000 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 665.000.000 VND).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	16.999.190.201	8.723.877.823
Cộng	50.124.817.736	41.849.505.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022 VND	Giá gốc VND	01/01/2021 VND	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	28.120.875.021	28.120.875.021	28.231.557.604	28.231.557.604
Cộng	28.120.875.021	28.120.875.021	28.231.557.604	28.231.557.604
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.510.000.000	3.510.000.000
Tổng cộng	28.120.875.021	28.120.875.021	31.741.557.604	31.741.557.604

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	30/06/2022	01/01/2022
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Phản lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Phản lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	831.072.077.286	827.175.623.998
	908.383.101	908.383.101
	(i)	(i)
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	831.980.460.387	828.084.007.099

(i) Giá trị hợp lý của các công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh (tiếp theo)

Trong kỳ, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tại thời điểm đầu kỳ	828.084.007.099	810.005.197.647
Thay đổi trong kỳ	3.896.453.288	15.099.178.082
Phát sinh trong kỳ	3.896.453.288	14.999.178.082
Giá trị ghi sổ tăng trong kỳ		100.000.000
Tại thời điểm cuối kỳ	831.980.460.387	825.104.375.729

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i) VND	Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii) VND	Dự phòng phải trả người lao động VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2021	- 268.783.225.270		375.000.000	269.158.225.270
Thuế suất thuế TNDN Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	20%	20%	20%	20%
	(11.584.121.464)		-	(11.584.121.464)
Tại ngày 01/01/2022	- 280.367.346.734		375.000.000	280.742.346.734
Thuế suất thuế TNDN Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	20%	20%	20%	20%
	- 7.612.011.850		-	7.612.011.850
Tại ngày 30/06/2022	- 272.755.334.884		375.000.000	273.130.334.884
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Tại ngày 01/01/2021	113.429.975.232	-	-	113.429.975.232
Thuế suất thuế TNDN Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	20%	20%	20%	20%
	(61.956.662.608)			(61.956.662.608)
Tại ngày 01/01/2022	51.473.312.624	-	-	51.473.312.624
Thuế suất thuế TNDN Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	20%	20%	20%	20%
	(15.980.969.029)		-	(15.980.969.029)
Tại ngày 30/06/2022	35.492.343.595	0	-	35.492.343.595
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				(8.368.957.179)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

- (i) Số dư cuối kỳ là thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tại ngày báo cáo, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 177.461.717.975 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 35.492.343.595 đồng và sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.
- (ii) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày báo cáo, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.376.382.234.095 đồng (*chi tiết xem tại thuyết minh V.5*), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 273.130.334.884 đồng.

14. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2022 và ngày 30/06/2022	277.465.935.261
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2022	223.734.930.898
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	6.452.900.927
Tại ngày 30/06/2022	230.187.831.825
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2022	53.731.004.363
Tại ngày 30/06/2022	47.278.103.436

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Phải trả bên liên quan (i)	168.619.881.808	168.619.881.808	174.972.360.239	174.972.360.239
Các nhà cung cấp khác	52.986.263.435	52.986.263.435	74.278.772.835	74.278.772.835
Cộng	221.606.145.243	221.606.145.243	249.251.133.074	249.251.133.074

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan				
Công ty CII (ii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	2.992.839.968	2.992.839.968	6.619.195.375	6.619.195.375
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.339.385.328	1.339.385.328	6.166.054.644	6.166.054.644
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	5.511.978.710	5.511.978.710	3.413.808.418	3.413.808.418
Công ty 152 Điện Biên Phủ	2.376.000	2.376.000		
Cộng	168.619.881.808	168.619.881.808	174.972.360.239	174.972.360.239

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.150.068.374	1.150.068.374
Cộng	464.000.448.374	464.000.448.374

Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan

Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
-----------------	-----------------	-----------------

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty đang sở hữu.

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.196.950.237	19.518.682	-	1.177.431.555
Thuế giá trị gia tăng	485.098.396	-	-	485.098.396
Các khoản khác	67.700.002	-	-	67.700.002
Cộng	1.749.748.635	19.518.682	0	1.730.229.953
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.399.286.781	34.441.593.554	35.250.804.953	2.590.075.382
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.623.430.845	12.323.053.325	10.603.738.098	7.342.746.072
Thuế thu nhập cá nhân	303.546.295	1.033.867.766	1.238.513.713	98.900.348
Các khoản khác		475.474.535	262.816.357	212.658.178
Cộng	9.326.263.921	48.273.989.180	47.355.873.121	10.244.379.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	42.568.871.864	57.881.723.350
Trích trước chi phí duy tu, thi công, lắp đặt	19.421.140.866	21.304.700.085
Chi phí phải trả khác	2.658.718.636	2.929.910.681
Cộng	64.648.731.366	82.116.334.116
<i>Trong đó, chi phí phải trả cho bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	6.051.148.291	

19. Phải trả khác

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	62.700.413	70.435.681
Bảo hiểm xã hội	55.342.828	37.292.828
Bảo hiểm y tế	9.294.848	6.045.848
Bảo hiểm thất nghiệp	1.232.966	510.966
Cổ tức phải trả	188.107.904.008	150.487.657.871
Phải trả chi phí sử dụng vốn	213.043.919.909	35.741.764.593
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	3.555.902.921	-
Nhận ký quỹ, ký cược	869.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.551.828.069	5.557.460.026
	413.257.125.962	191.901.167.813
b. Dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	94.626.487.270	350.174.182.030
Nhận ký quỹ, ký cược	76.000.000	76.000.000
Các khoản thu hộ	8.536.091.258	8.536.091.258
	103.238.578.528	358.786.273.288
Cộng các khoản phải trả khác	516.495.704.490	550.687.441.101
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CII	495.697.869.842	536.285.954.693
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)</i>	307.670.407.179	385.915.946.623
<i>Cổ tức phải trả</i>	188.027.462.663	150.370.008.070
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	447.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	76.000.000	76.000.000
Cộng	496.220.869.842	536.361.954.693

(i) Đây là khoản chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn công ty mẹ để tài trợ cho các dự án B.O.T (xem thêm tại thuyết minh số V.20) và sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn của các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết thúc kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022			
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Phát sinh trong kỳ Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay các bên liên quan	270.053.493.151	270.053.493.151	3.600.000.000	-	266.453.493.151	266.453.493.151
Công ty CII	270.053.493.151	270.053.493.151	3.600.000.000	-	266.453.493.151	266.453.493.151
Vay ngân hàng	-	-	-	832.000.000	832.000.000	832.000.000
Ngân hàng HDBank	-	-	-	832.000.000	832.000.000	832.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	790.402.522.272	790.402.522.272	-	-	111.768.996.612	111.768.996.612
Cộng	1.060.456.015.423	1.060.456.015.423	3.600.000.000	832.000.000	379.054.489.763	379.054.489.763

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	48.470.000.000	12 tháng	13/04/2023	Lãi suất trong kỳ là 10,5%	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	270.053.493.151					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn

	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	5.548.912.090.716	5.548.912.090.716	875.418.263.792	141.467.817.221	4.814.961.644.145	4.814.961.644.145
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	3.710.512.245.932	3.710.512.245.932	854.000.000.000	30.000.000.000	2.886.512.245.932	2.886.512.245.932
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	777.999.379.211	777.999.379.211	18.127.060.984	52.000.000.000	811.872.318.227	811.872.318.227
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	598.948.126.480	598.948.126.480	-	13.996.000.000	612.944.126.480	612.944.126.480
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	461.452.339.093	461.452.339.093	3.291.202.808	45.471.817.221	503.632.953.506	503.632.953.506
Công ty CII	872.132.449.681	872.132.449.681	770.000.000.000	877.569.642.610	979.702.092.291	979.702.092.291
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(790.402.522.272)	(790.402.522.272)			(111.768.996.612)	(111.768.996.612)
Cộng	5.630.642.018.125	5.630.642.018.125	1.645.418.263.792	1.019.037.459.831	5.682.894.739.824	5.682.894.739.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	2.486.239.113.789	15 năm	31/12/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10% - 9,5%	Đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T	Toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án.
	1.224.273.132.143	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10% - 9,5%	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
	3.710.512.245.932					
Công ty CII	815.106.000.000	20 năm	22/02/2042	Lãi suất dao động từ 10,5%-12,5%/năm	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.	Không có tài sản đảm bảo
	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	872.132.449.681					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	777.999.379.211	12 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,44%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60	Tất cả các nguồn thu từ dự án.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	598.948.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành của dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13/04/2015	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương".
	83.383.000.000	3 năm	25/10/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	- Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG.
	21.758.699.681	3 năm	20/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Tái trợ kinh phí trung tu đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình.
	7.203.339.093	5 năm	26/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Tái trợ chi phí cải tạo nâng cấp cầu Phước Hòa cũ thuộc dự án DDT tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
	20.425.000.000	5 năm	24/09/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Bồi hoàn kinh phí trung tu đợt 3 và lấp đặt Dải phân cách đường ĐT741 tỉnh Bình Dương đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 545.	

461.452.339.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	790.402.522.272	111.768.996.612
Trong năm thứ hai	567.488.637.567	190.166.537.226
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.924.818.732.049	1.719.660.972.463
Sau năm năm	3.138.334.648.509	3.773.067.230.135
	6.421.044.540.397	5.794.663.736.436
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(790.402.522.272)	(111.768.996.612)
Cộng	5.630.642.018.125	5.682.894.739.824

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	1.928.547.650.000	3.657.748.096	96.125.354.490	1.066.459.071.388	1.350.115.699.975	4.444.905.523.949
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	208.459.963.845	99.413.770.361	307.873.734.206
Góp vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(62.595.224.132)	(62.595.224.132)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.945.834.210)	-	(1.945.834.210)
Tại ngày 01/01/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	96.125.354.490	1.272.973.201.023	1.386.934.246.204	4.688.238.199.813
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	131.797.331.097	61.949.072.990	193.746.404.087
Chia cổ tức	-	-	-	-	(109.890.773.226)	(109.890.773.226)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	9.902.820.107	(15.439.287.050)	-	(5.536.466.943)
Tại ngày 30/06/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.389.331.245.070	1.338.992.545.968	4.766.557.363.731

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765 192.854.765	192.854.765 192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ) + Cổ phiếu phổ thông	- -	- -
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765 192.854.765	192.854.765 192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	706.307.106.223	554.805.975.448
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.464.034.563	1.113.056.177
Doanh thu bán hàng hóa	111.300.000	
Doanh thu từ hoạt động duy tu, xây lắp công trình	-	1.355.459.863
	707.882.440.786	557.274.491.488
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(46.051.124.424)	(30.419.086.472)
	(46.051.124.424)	(30.419.086.472)
Doanh thu thuần	661.831.316.362	526.855.405.016
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	324.092.642	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	257.918.253.675	195.854.795.568
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.815.370.140	1.322.330.484
Giá vốn bán hàng	111.300.000	
Giá vốn hoạt động xây dựng, duy tu, xây lắp công trình	-	1.301.241.468
Cộng	259.844.923.815	198.478.367.520
<i>Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	17.799.884.835	2.198.972.407
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	-	7.328.467.174
Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC	7.044.079.303	9.859.169.348
	24.843.964.138	19.386.608.929

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	-	90.597.991.513
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.219.797.010	19.433.343.607
Lợi ích tài chính của hợp đồng B.O.T (i)	5.839.359.419	1.100.051.648
Cộng	40.059.156.429	111.131.386.768
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	5.634.317.094	3.673.716.691
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	69.221.667	253.815.626
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	12.016.438.356	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	665.095.890	
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	7.500.000	
Cộng	18.392.573.007	3.927.532.317

(i) Trong Hợp đồng B.O.T Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận thể hiện rằng lãi suất được áp dụng để tính thời gian hoàn vốn được lấy theo mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của 3 ngân hàng BIDV, ACB và EXIMBank trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Công ty đã đàm phán được nguồn vốn vay với lãi suất vay thấp, do đó Công ty được hưởng một khoản lợi ích tài chính theo điều khoản lãi vay quy định trong hợp đồng B.O.T.

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí lãi vay	167.245.422.349	112.571.578.450
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	4.434.449.089
Cộng	167.245.422.349	117.006.027.539
<i>Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	52.339.131.688	47.268.507.088
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	4.347.585.090	
Cộng	56.686.716.778	47.268.507.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	43.614.979.345	27.479.276.137
Chi phí lương nhân viên	2.901.126.253	4.474.203.641
Chi phí in vé thu phí giao thông	2.692.904.765	
Các khoản chi phí bán hàng khác	2.366.337.782	4.936.240.491
Cộng	51.575.348.145	36.889.720.269
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	18.500.132.063	10.595.898.336
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	5.277.251.517	6.885.545.453
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	81.818.183	322.909.091
Công ty 152 Điện Biên Phủ	1.664.233.982	
Công ty CII	81.818.182	40.909.091
Cộng	25.605.253.927	17.845.261.971

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	6.452.900.927	6.452.900.926
Chi phí lương nhân viên	6.127.430.491	9.464.900.549
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.132.033.211	1.097.865.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.118.884.810	37.077.616.285
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(463.021.533)	(86.795.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.379.443.369	2.720.386.351
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.196.893.820	3.874.960.563
Cộng	24.944.565.095	60.601.835.215
<i>Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Cty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	15.400.000	-
Cộng	15.400.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	54.545.454	54.545.454
Thu nhập khác	6.944.445	
Cộng	61.489.899	54.545.454
<i>Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	54.545.454	54.545.454
Cộng	54.545.454	54.545.454

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	621.684.371	931.973.340
Cộng	621.684.371	931.973.340

9. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	12.342.572.007	26.964.214.663

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	131.797.331.097	122.998.691.895
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.970.846.031)	(1.395.598.646)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	128.826.485.066	121.603.093.249
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	668	631

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	875.418.263.792	12.447.146.077
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	773.600.000.000	246.900.000.000
	1.649.018.263.792	259.347.146.077
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	142.299.817.221	57.861.709.103
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	877.569.642.610	224.960.000.000
	1.019.869.459.831	282.821.709.103

2. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

	Doanh thu bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động thu phí giao thông VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	111.300.000	1.464.034.563	660.255.981.799	-	661.831.316.362
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		2.540.278.817	-	(2.540.278.817)	-
Cộng	111.300.000	4.004.313.380	660.255.981.799	(2.540.278.817)	661.831.316.362
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	111.300.000	1.815.370.140	257.918.253.675	-	259.844.923.815
Cộng	111.300.000	1.815.370.140	257.918.253.675	-	259.844.923.815
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	2.188.943.240	402.337.728.124	(2.540.278.817)	401.986.392.547

Doanh thu hoạt động tài chính	40.059.156.429
Chi phí tài chính	167.245.422.349
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-
Chi phí bán hàng	51.575.348.145
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.944.565.095
Thu nhập khác	61.489.899
Chi phí khác	621.684.371
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.342.572.007
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	(8.368.957.179)
Tổng lợi nhuận sau thuế	193.746.404.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động thu phí giao thông VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.355.459.863	1.113.056.177	524.386.888.976	-	526.855.405.016
Cộng	1.355.459.863	1.113.056.177	524.386.888.976	-	526.855.405.016
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	1.301.241.468	1.322.330.484	195.854.795.568	-	198.478.367.520
Cộng	1.301.241.468	1.322.330.484	195.854.795.568	-	198.478.367.520
Lợi nhuận gộp bộ phận	54.218.395	(209.274.307)	328.532.093.408	-	328.377.037.496

Doanh thu hoạt động tài chính	111.131.386.768
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	117.006.027.539
Chi phí tài chính	36.889.720.269
Chi phí bán hàng	60.601.835.215
Chi phí quản lý doanh nghiệp	54.545.454
Thu nhập khác	931.973.340
Chi phí khác	26.964.214.663
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(13.633.994.043)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	
Tổng lợi nhuận sau thuế	210.803.192.735

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ - DOANH THU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Thành phố Hồ Chí Minh	275.474.175.678	156.772.939.644
Tỉnh Ninh Thuận	120.150.522.716	120.710.573.002
Tỉnh Bến Tre	124.817.910.272	117.112.751.463
Tỉnh Bình Dương	86.503.122.847	81.959.654.544
Tỉnh Trà Vinh	54.885.584.849	50.299.486.363
Cộng	661.831.316.362	526.855.405.016

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty 152 Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

DOANH THU	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	324.092.642	-
CỘNG	324.092.642	-
GIÁ VỐN		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	17.799.884.835	2.198.972.407
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	7.044.079.303	9.859.169.348
CỘNG	24.843.964.138	19.386.608.929
DOANH THU TÀI CHÍNH		
Công ty CII	5.634.317.094	3.673.716.691
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	69.221.667	253.815.626
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	12.016.438.356	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	665.095.890	-
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	7.500.000	-
CỘNG	18.392.573.007	3.927.532.317
CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Công ty CII	52.339.131.688	47.268.507.088
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	4.347.585.090	-
CỘNG	56.686.716.778	47.268.507.088
CHI PHÍ BÁN HÀNG		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	18.500.132.063	10.595.898.336
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	5.277.251.517	6.885.545.453
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	81.818.183	322.909.091
Công ty 152 Điện Biên Phủ	1.664.233.982	-
Công ty CII	81.818.182	40.909.091
CỘNG	25.605.253.927	17.845.261.971
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Cty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	15.400.000	-
CỘNG	15.400.000	-
THU NHẬP KHÁC		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	54.545.454	54.545.454
CỘNG	54.545.454	54.545.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong kỳ, công ty có số dư nợ các tài khoản như sau:

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	59.090.910	-
Công ty CII	379.155.000	379.155.000
Cộng	438.245.910	379.155.000
TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		
Công ty CII E&C	69.586.771.934	68.019.865.654
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	701.120.488	1.349.554.318
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	10.761.202.218	73.840.501
Cộng	81.049.094.640	69.443.260.473
PHẢI THU VỀ CHO VAY		
a. Ngắn hạn		
Công ty CII	134.701.528.943	97.701.528.943
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	200.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	5.943.000.000
Cộng	337.701.528.943	103.644.528.943
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	400.000.000.000	-
Cộng	400.000.000.000	-
PHẢI THU KHÁC		
Công ty CII	2.951.757.534	2.777.100.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	205.168.500	674.900.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.272.856.500	1.957.017.375
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	12.016.438.356	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	665.095.890	-
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	7.500.000	-
Cộng	17.118.816.780	5.409.017.375
CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
Dài hạn		
Công ty CII	54.057.008.897	32.701.206.864
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	6.816.369.837	-
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	-	7.269.562.538
Cộng	54.057.008.897	39.970.769.402

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN		
Công ty CII	462.850.380.000	462.850.380.000
Cộng	462.850.380.000	462.850.380.000
PHẢI TRẢ KHÁC		
Công ty CII	495.697.869.842	536.285.954.693
Phải trả chi phí sử dụng vốn	307.670.407.179	385.915.946.623
<i>Cổ tức phải trả ngắn hạn</i>	188.027.462.663	150.370.008.070
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	447.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (Dài hạn)	76.000.000	76.000.000
Cộng	496.220.869.842	536.361.954.693
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	6.051.148.291	-
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH		
Ngắn hạn		
Công ty CII	270.053.493.151	266.453.493.151
Dài hạn		
Công ty CII	872.132.449.681	979.702.092.291
Cộng	1.142.185.942.832	1.246.155.585.442
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
Công ty CII	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	2.992.839.968	6.619.195.375
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.339.385.328	6.166.054.644
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	5.511.978.710	3.413.808.418
Công ty 152 Điện Biên Phủ	2.376.000	-
Cộng	168.619.881.808	174.972.360.239

Thù lao đã chi trả cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	129.480.000	-
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên	35.966.667	-
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	71.933.333	-
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	71.933.333	-
Cộng		309.313.333	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	761.911.233	724.651.977
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	448.058.517	419.852.252
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	192.062.501	-
Cộng		1.402.032.251	1.144.504.229

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 30 tháng 06 năm 2022 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 07 năm 2022